

Bản án số: 34/2023/HS-ST
Ngày: 14 - 02 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2023 theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu:

+ Điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 989 đường Đồng Văn Cống, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thu H, sinh năm: 2003, tại Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã P, huyện X, tỉnh Bình Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không;

con ông không rõ và bà Trần Thị S, sinh năm 1965; bị cáo là con út trong gia đình có 02 chị em; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa đặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị hại*: Chị Lê Kiều T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: đường L, Khu phố A, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Trần Phan Minh K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số X, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 07/12/2021, Trần Thu H sử dụng điện thoại di động vào mạng xã hội để chơi và muốn mua 01 Macbook để sử dụng. Vì vậy, H nảy sinh ý định lấy thẻ Visa của chị Lê Kiều T (sinh năm 1998; nơi cư trú: đường L, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) dùng để thanh toán mua hàng hóa và rút tiền để tiêu xài (H giúp việc tại gia đình chị T). Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H liên hệ với anh Trần Phan Minh K (sinh năm 1995) là chủ cửa hàng mua bán điện thoại tại địa chỉ: Số 522 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đặt mua 01 Macbook và đề nghị anh K mang theo 01 bộ Ipad để xem và lựa chọn. Địa chỉ giao hàng và thanh toán tại chung cư Gateway. Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/12/2021, lợi dụng lúc chị T đang ngủ, H đi lại tủ dép mở ví của chị T lấy thẻ Visa của chị T rồi đi xuống sảnh của chung cư đợi anh K. Khoảng 01 giờ 00 phút, anh K đến, H vào trong xe ô tô của anh K để giao dịch mua bán. H mua 01 Macbook Pro 11 với giá 33.572.000 đồng, dùng thẻ Visa của chị T cả thẻ vào máy thanh toán của anh K để thanh toán số tiền trên. H tiếp tục dùng thẻ Visa của chị T để mua thêm 01 bộ Ipad với giá 50.000.000 đồng. Sau khi quẹt thẻ để thanh toán, H đề nghị trả lại 01 bộ Ipad và nói anh K chuyển tiền lại cho H. Lúc này, K nói phải mất phí trả lại hàng là 3.000.000 đồng thì H đồng ý và K dùng tài khoản Internet banking chuyển vào tài khoản số 98678999989 của H số tiền 47.000.000 đồng. Sau khi giao dịch xong K đi về nhà còn H cầm thẻ Visa của chị T lên nhà, để lại thẻ vào trong ví của chị T trong tủ dép rồi vào phòng đi ngủ. Quá trình mua bán, K không biết thẻ Visa trên là H lấy trộm của chị T để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của chị T. Đến ngày 09/12/2021, H xin phép nghỉ để về quê. Khi biết được sự việc bị mất trộm tiền trong thẻ Visa, chị T liên hệ với H và H thừa nhận

toàn bộ hành vi như trên. Đến ngày 20/01/2022, H đã chuyển khoản trả lại số tiền 83.572.000 đồng cho chị T. Đối với chiếc Macbook Pro 11 H sử dụng một thời gian rồi bán cho 01 người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Ngày 24/10/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Thu H. Tại Cơ quan Điều tra, H thừa nhận hành vi lấy thẻ Visa của chị Lê Kiều T dùng để quét thẻ thanh toán mua hàng hóa, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 83.572.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKSTPTĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Thu H về tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thu H từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Bị hại đã nhận lại tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án tương xứng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan, hình ảnh camera, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát

nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 07/12/2021, Trần Thu H nảy sinh ý định lấy thẻ Visa của chị Lê Kiều T để thanh toán mua hàng hóa và rút tiền để tiêu xài, H liên hệ với anh Trần Phan Minh K là chủ cửa hàng mua bán điện thoại để đặt mua 01 Macbook. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/12/2021, lợi dụng lúc chị T đang ngủ, H lấy thẻ Visa của chị T đi xuống sảnh của chung cư để giao dịch mua bán. H dùng thẻ Visa của chị T để cà thẻ vào máy thanh toán của anh K để mua 01 Macbook Pro 11 với giá 33.572.000 đồng và 01 bộ Ipad với giá 50.000.000 đồng, sau đó trả lại bộ Ipad cho anh K để lấy tiền tiêu xài.

Hnh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ quản lý an ninh mạng, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng tham lam và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý, lén lút sử dụng thẻ Visa lấy trộm được để thanh toán tiền hàng và chiếm đoạt tổng số tiền 83.572.000 đồng của bị hại. Hnh vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

Đối với Trần Phan Minh K là người bán 01 Macbook Pro 11 cho Trần Thu H và lấy 3.000.000 đồng tiền phí hoàn trả 01 bộ Ipad đã bán cho H. Tuy nhiên quá trình mua bán K không biết H lấy thẻ Visa của chị T để quẹt thẻ thanh toán. Vì vậy hành vi của K không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 83.572.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự..

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, sử dụng phương tiện điện tử để chiếm đoạt số tiền tương đối lớn của bị hại nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Thu H** phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thu H**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc